

Số: 235 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2024

**KẾT LUẬN THANH TRA**  
**Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động**  
**tại Công ty Cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo**

Thực hiện Quyết định số 379/QĐ-TTr ngày 17/9/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 28/9/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 07/10/2024 và báo cáo giải trình ngày 21/10/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo (sau đây gọi là doanh nghiệp).
- Trụ sở chính của doanh nghiệp: thôn Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400178402 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp, đăng ký lần đầu ngày 09/03/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 03/06/2024.
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh: sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; sản xuất đồ uống không cồn.
- Điện thoại giao dịch: 02523 852 069; Fax: 02523 852 019.
- Số tài khoản 007100795623, mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần ngoại thương Việt Nam.
- Số chi nhánh: 02 (tại tỉnh Bình Dương và Đồng Nai).
- Doanh nghiệp đã có tổ chức công đoàn cơ sở.
- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp: 288 người.

**II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH**

**1. Các loại báo cáo định kỳ**

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và cả năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương và thông báo tình hình thay đổi lao động định kỳ 06 tháng đầu năm và cả năm 2023 đến cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện nơi đặt trụ sở.

- Đã báo cáo định kỳ về công tác an toàn, vệ sinh lao động hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

**2. Tuyển dụng và đào tạo lao động**

- Doanh nghiệp tự tuyển dụng lao động để làm việc cho doanh nghiệp.

h

- Số người lao động tuyển dụng trong thời kỳ thanh tra: 64 người.
- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động.
- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.
- Việc ký kết hợp đồng đào tạo với người lao động, người học nghề, tập nghề để làm việc cho doanh nghiệp: không phát sinh.

### **3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động**

#### **a) Giao kết hợp đồng lao động**

- Số người không thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 0 người.
- Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 288 người.
- Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 288 người, trong đó:
  - + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 240 người;
  - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 48 người.
  - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 01 tháng đến 03 tháng: 0 người.
  - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn dưới 01 tháng: 0 người.
  - + Hợp đồng lao động làm việc không trọn thời gian: 0 người.
- Số người chưa được giao kết hợp đồng lao động: 0 người.
- Kiểm tra 05 hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động (Nguyễn Xuân Hội, Nguyễn Trường Khánh, Nguyễn Quốc Khánh, Trần Minh Lai, Phạm Nguyên Thế Kỷ) mục trang bị bảo hộ lao động ghi “theo yêu cầu công việc cụ thể”.

#### **b) Chế độ đối với người lao động mất việc, thôi việc**

- Số lao động bị mất việc làm; việc trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động bị mất việc làm: không phát sinh.
- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.
- Số lao động thôi việc: 77 người, trong đó: 27 người đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc, doanh nghiệp đã trả trợ cấp thôi việc với tổng số tiền là 564.716.125 đồng.

### **4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT)**

- Năm 2023, 2024 doanh nghiệp đã tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc; chưa tổ chức đối thoại khi có vụ việc (xây dựng thang lương, bảng lương năm 2024); trong thời kỳ thanh tra tại doanh nghiệp không phát sinh đối thoại khi có yêu cầu.
- Doanh nghiệp đang thực hiện TULĐTT ký ngày 20/10/2021 (có thời hạn 03 năm) với nhiều nội dung có lợi cho người lao động so với quy định của pháp luật; đã gửi TULĐTT đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Thuận ngày 20/10/2021.
- Doanh nghiệp đang thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại Quyết định số 01/2024/QĐ-VHC ngày 25/4/2024 của Tổng giám đốc.

## **5. Tiền lương và trả công lao động**

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 3.450.000 đồng/tháng.
- Thu nhập thấp nhất của người lao động: 6.773.736 đồng/tháng; thu nhập cao nhất của người lao động: 99.453.000 đồng/tháng.
- Hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: theo thời gian (theo tháng).
- Phương pháp trả lương: qua tài khoản mở tại ngân hàng. Người sử dụng lao động trả chi phí liên quan đến việc mở tài khoản và chuyển tiền lương.
- Từ ngày 01/1/2023, doanh nghiệp áp dụng thang lương, bảng lương, định mức lao động năm 2022 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2022); năm 2024, doanh nghiệp đã ban hành thang lương, bảng lương, định mức lao động mới (hiệu lực từ ngày 01/7/2024).
- Việc trả tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm: kiểm tra bảng chấm công và bảng lương tháng 7/2023 và tháng 7/2024, doanh nghiệp trả tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm theo quy định.
- Đã trả lương ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương theo quy định.
- Đã thanh toán tiền lương những ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động thôi việc theo quy định.
- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh.
- Việc khấu trừ tiền lương của người lao động: thực hiện theo quy định (không phát sinh khấu trừ trái luật).
- Doanh nghiệp hỗ trợ tiền ăn ca mức: 25.000 đồng/người/suất.

## **6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi**

- Doanh nghiệp áp dụng thời giờ làm việc không quá 8 giờ/ngày, không quá 48 giờ/tuần (ngày nghỉ hằng tuần là 01 ngày đến 1,5 ngày trong tuần).
- Kiểm tra bảng chấm công tháng 7/2023 và tháng 7/2024, Doanh nghiệp huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ làm thêm theo quy định.
- Đã thực hiện các quy định về thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ lễ, tết, nghỉ hằng năm, nghỉ việc riêng theo quy định.
- Số ngày nghỉ hằng năm đối với lao động làm công việc bình thường: 12 ngày/năm (chưa tính thâm niên); số ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 14 ngày/năm (chưa tính thâm niên); số ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm các công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: không phát sinh.

## **7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất**

- Doanh nghiệp đang áp dụng nội quy lao động đã được đăng ký với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Thuận (Giấy xác nhận ngày 12/3/2021); chưa gửi nội quy lao động đã được đăng ký đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương nơi đặt chi nhánh của doanh nghiệp (tỉnh Bình Dương, Đồng Nai).

- Số vụ việc đã xử lý kỷ luật lao động theo các hình thức; trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động: 01 vụ với hình thức khiển trách; trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động theo quy định.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

## **8. Lao động đặc thù**

### **8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ**

- Tổng số lao động nữ: 81 người.

- Các quy định riêng đối với lao động nữ:

+ Việc thực hiện các quy định đối với lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm như: chuyển sang làm bộ phận khác hoặc giảm 01 giờ làm việc, vẫn hưởng nguyên lương.

+ Đã thực hiện quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

+ Không có trường hợp sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ.

+ Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động có con nhỏ: chưa thực hiện.

+ Đã thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

### **8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên**

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

### **8.3. Đối với lao động là người nước ngoài**

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng người lao động nước ngoài.

### **8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi**

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi.

## **9. Khiếu nại và tranh chấp lao động**

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không phát sinh khiếu nại và tranh chấp lao động.

## **10. An toàn lao động, vệ sinh lao động**

- Số lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 145 người.

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm theo quy định.

- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên (Quyết định số 26/2021/QĐ-VHC ngày 26/02/2021 của Tổng giám đốc) gồm 11 người; đã ban hành quy chế hoạt động mạng lưới an toàn vệ sinh viên và chi trả phụ cấp trách nhiệm mức 100.000 đồng/người/tháng.

- Đã bố trí 01 người (ông Võ Thành Công Tạo) làm công tác an toàn, vệ sinh lao động bán chuyên trách.

- Đã bố trí 02 người làm công tác y tế (bà Đào Thị Thu Thảo, trình độ Y sỹ đa khoa, bà Nguyễn Thị Kim Quyên, trình độ cao đẳng điều dưỡng).

- Tổng số các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động doanh nghiệp đang sử dụng: 51 máy, thiết bị (31 bình chịu áp lực, 03 nồi hơi, 05 hệ thống lạnh; 02 pa lăng xích; 01 tời; 01 thang máy, 08 đường ống dẫn hơi, khí) đã được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, còn thời hạn kiểm định.

- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động theo quy định. Tuy nhiên, sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận huấn luyện và thẻ an toàn lao động không có chữ ký của người lao động theo mẫu tại Phụ lục 2 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

- Trong thời kỳ thanh tra doanh nghiệp đã thực hiện quan trắc môi trường lao động: đo tổng số 211 mẫu, trong đó: 201 mẫu đạt tiêu chuẩn, 10 mẫu không đạt tiêu chuẩn là tiếng ồn và ánh sáng.

- Đã trang bị đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động; đã lập sổ theo dõi cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân.

- Đã thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại mức 13.000 đồng/người/ca làm việc.

- Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không xảy ra tai nạn lao động.

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động (tủ thuốc, túi sơ cấp cứu...).

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động theo quy định; lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản. Tuy nhiên, sổ khám sức khỏe định kỳ để trống các mục 9, 10, 11 (không ghi tên nghề, công việc, quá trình làm việc và tiền sử bệnh, tật) theo Mẫu số 03 Phụ lục số XXIV ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết Luật Khám chữa bệnh.

### **11. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN)**

- Số người thuộc đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN: 288 người;

+ Số người đã tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN: 288 người (04 lao động đang hưởng chế độ thai sản).

+ Số người chưa tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN: 0 người.

- Số người không thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN: 0 người.

- Số tiền chậm đóng BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN tại thời điểm ngày 30/8/2024: 0 đồng.

### **III. KẾT LUẬN**

#### **1. Những quy định của pháp luật về lao động đã được doanh nghiệp thực hiện**

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

*h*

- 1.2. Đã thực hiện báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.
- 1.3. Doanh nghiệp tự tuyển dụng người lao động; không thu phí tuyển dụng người lao động.
- 1.4. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.
- 1.5. Đã giao kết hợp đồng lao động đối với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.
- 1.6. Đã trả trợ cấp thôi việc cho 27 lao động đủ điều kiện hưởng với tổng số tiền 564.716.125 đồng.
- 1.7. Đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động tại nơi làm việc.
- 1.8. Đã gửi TULĐTT đã ký kết đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.
- 1.9. Đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.
- 1.10. Trả lương cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu; trả lương qua tài khoản mở tại ngân hàng, người sử dụng lao động trả các loại phí liên quan đến việc mở tài khoản và chuyển tiền lương cho người lao động.
- 1.11. Đã xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động.
- 1.12. Hỗ trợ bữa ăn ca cho người lao động với mức 25.000 đồng/người/ngày.
- 1.13. Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.
- 1.14. Nội quy lao động đã đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.
- 1.15. Xử lý kỷ luật lao động đúng trình tự, thủ tục theo quy định.
- 1.16. Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ.
- 1.17. Đã phân loại lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.
- 1.18. Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động; thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên, xây dựng quy chế hoạt động và chi trả phụ cấp cho an toàn, vệ sinh viên.
- 1.19. Đã bố trí người làm công tác an toàn vệ sinh lao động và người làm công tác y tế theo quy định.
- 1.20. Đã kiểm định kỹ thuật an toàn lao động 51/51 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.
- 1.21. Đã huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; trang, cấp phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.
- 1.22. Đã quan trắc môi trường lao động.
- 1.23. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.
- 1.24. Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định; lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản.
- 1.25. Đã tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN cho người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.
- 1.26. Đã trích đóng đầy đủ tiền BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN cho cơ quan BHXH.

## **2. Những quy định của pháp luật về lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ**

2.1. Nội dung của hợp đồng lao động chưa đảm bảo quy định: mục trang bị bảo hộ lao động ghi “theo yêu cầu công việc cụ thể” là không đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động, Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung hợp đồng lao động, hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.2. Chưa tổ chức đối thoại khi có vụ việc (xây dựng thang lương, bảng lương) là chưa đúng quy định tại Điều 41 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.3. Chưa gửi nội quy lao động đã được đăng ký đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương nơi đặt chi nhánh của doanh nghiệp tại tỉnh Bình Dương, Đồng Nai theo quy định tại khoản 4 Điều 119 Bộ luật Lao động.

2.4. Khoản 3 Điều 16 nội quy lao động quy định “vị trí làm việc của người lao động sẽ do người quản lý trực tiếp phân công” là không phù hợp với nội dung hợp đồng lao động quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động và Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.5. Chưa hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho lao động nữ theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.6. Sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận huấn luyện và thẻ an toàn lao động không có chữ ký của người lao động theo mẫu 10 Phụ lục 2 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

2.7. Sổ khám sức khỏe định kỳ không ghi thông tin các mục 9, 10, 11 - Nghề, công việc, quá trình làm việc và tiền sử bệnh, tật là không đúng quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục số XXIV ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết Luật Khám chữa bệnh.

### **IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG**

Không

### **V. HẠN CHẾ, BẮT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC**

Không.

### **VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ**

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện các nội dung sau:

1. Khắc phục sai phạm nêu tại Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra như sau:
  - Các sai phạm nêu tại điểm 2.2 và 2.7 khắc phục khi có phát sinh.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành kết luận này, doanh nghiệp phải khắc phục xong các sai phạm còn lại.

2. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

3. Báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện các kiến nghị nêu tại Mục 1 Phần VI Kết luận thanh tra kèm theo tài liệu chứng minh đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 30/11/2024./.

**Nơi nhận:**

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA  
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



**Nguyễn Anh Tuấn**

